

DN-BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối Kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		113,479,851,824	111,042,006,545
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		17,207,526,145	12,026,801,751
1. Tiền	111	5	17,207,526,145	12,026,801,751
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		7,429,926,923	7,235,095,882
1. Đầu tư ngắn hạn	121		13,288,441,464	15,928,240,600
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*) (2)	129		(5,858,514,541)	(8,693,144,718)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		65,520,534,287	62,801,613,428
1. Phải thu của khách hàng	131		50,256,471,659	47,052,345,892
2. Trả trước cho người bán	132		701,957,460	411,938,260
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	6	14,575,982,665	15,351,206,773
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(13,877,497)	(13,877,497)
IV. Hàng tồn kho	140	7	21,662,638,961	19,523,986,057
1. Hàng tồn kho	141		21,662,638,961	19,523,986,057
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1,659,225,508	9,454,509,427
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		969,851,571	704,819,520
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		689,373,937	8,749,689,907
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		63,987,580,354	62,827,800,870
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		9,517,045,812	10,357,124,081
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	9,469,011,085	10,309,089,354
-Nguyên giá	222		32,510,352,940	32,980,078,500
-Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(23,041,341,855)	(22,670,989,146)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
-Nguyên giá	225			
-Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	9		
-Nguyên giá	228			
-Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229			
4. Chi phí xây dựng cơ bản	230	11	48,034,727	48,034,727
III. Bất động sản đầu tư	240			
-Nguyên giá	241			
-Giá trị hao mòn lũy kế(*)	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	10	47,208,031,731	45,043,861,003
1. Đầu tư vào công ty con	251		13,414,170,728	11,250,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		21,600,000,000	21,600,000,000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		12,193,861,003	12,193,861,003
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn(*)	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260		7,262,502,811	7,426,815,786
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		7,262,502,811	7,426,815,786
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268			
4. Lợi thế thương mại	269			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100 + 200)	270		177,467,432,178	173,869,807,415

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối Kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		15,548,931,697	16,391,091,225
I. Nợ ngắn hạn	310		15,337,396,363	16,214,490,363
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		4,145,605,120	
2. Phải trả cho người bán	312		4,151,032,880	9,397,457,261
3. Người mua trả tiền trước	313		303,292,640	49,725,000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	4,839,915,715	3,994,452,398
5. Phải trả người lao động	315		885,766,665	1,343,037,937
6. Chi phí phải trả	316	13	74,615,860	209,690,907
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	14	243,471,154	243,437,134
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		693,696,329	976,689,726
II. Nợ dài hạn	330	15	211,535,334	176,600,862
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333		110,000,000	107,000,000
4. Vay và nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		101,535,334	69,600,862
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339			
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		161,918,500,481	157,478,716,190
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	161,918,500,481	157,478,716,190
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		70,000,000,000	70,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		54,102,373,080	54,102,373,080
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		(6,892,740,100)	(6,892,740,100)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		22,001,562,938	22,001,562,938
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		3,062,920,532	3,062,920,532
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		19,644,384,031	15,204,599,740
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
III. Lợi ích cổ đông tối thiểu	439			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300 + 400)	440		177,467,432,178	173,869,807,415

Ngày 10 tháng 04 năm 2012

TỔNG GIÁM ĐỐC

DN-BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH QUÍ

Đơn vị tính: ĐồngVN

CHỈ TIÊU	MÃ CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	QUÝ NÀY NĂM NAY	QUÝ NÀY NĂM TRƯỚC	SỐ LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ NÀY (NĂM NAY)	SỐ LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ NÀY (NĂM TRƯỚC)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		34,077,173,399	57,411,409,407	34,077,173,399	57,411,409,407
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		93,962,818	26,600,000	93,962,818	26,600,000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		33,983,210,581	57,384,809,407	33,983,210,581	57,384,809,407
4. Giá vốn hàng bán	11		29,759,980,722	49,152,386,422	29,759,980,722	49,152,386,422
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		4,223,229,859	8,232,422,985	4,223,229,859	8,232,422,985
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1,161,058,369	1,921,661,776	1,161,058,369	1,921,661,776
7. Chi phí tài chính	22		(1,952,654,656)	1,220,753,072	(1,952,654,656)	1,220,753,072
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		30,181,627	66,320,702	30,181,627	
8. Chi phí bán hàng	24		312,320,406	412,751,320	312,320,406	412,751,320
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1,507,028,066	1,903,938,198	1,507,028,066	1,903,938,198
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		5,517,594,412	6,616,642,171	5,517,594,412	6,616,642,171
11. Thu nhập khác	31		201,080,000	164,490,607	201,080,000	164,490,607
12. Chi phí khác	32		24,222,268	18,000,812	24,222,268	18,000,812
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		176,857,732	146,489,795	176,857,732	146,489,795
14. Phân lãi lỗ trong công ty liên kết , liên doanh	45					
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		5,694,452,144	6,763,131,966	5,694,452,144	6,763,131,966
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		1,254,668,853	1,493,282,992	1,254,668,853	1,493,282,992
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52					
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		4,439,783,291	5,269,848,974	4,439,783,291	5,269,848,974
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61					
18.2 Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	62					
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		668.6	752.8	634.3	1,505.7

Lập, ngày 10 tháng 04 năm 2012

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên, đóng dấu)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ -PPTT-QUÝ

ĐVT: VND

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyế t minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (năm nay)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		30,529,889,658	70,547,628,412
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		-28,151,447,573	-59,187,092,150
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		-2,070,099,398	-3,779,787,650
4. Tiền chi trả lãi vay	04		-30,181,627	-66,320,702
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05			-1,201,856,331
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		24,649,198,777	206,034,100
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		-22,672,297,835	-5,610,792,095
Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh	20		2,255,062,002	907,813,584
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-39,880,000	-593,404,373
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		55,000,000	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-2,164,170,728	-1,644,791,250
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		700,000,000	790,000,000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		-1,449,050,728	-1,448,195,623
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		4,374,713,120	12,566,409,000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34			-10,743,585,000
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		4,374,713,120	1,822,824,000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		5,180,724,394	1,282,441,961
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		12,026,801,751	35,224,018,545
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		17,207,526,145	36,506,460,506

Lập, ngày 10 tháng 04 năm 2012

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **QUÝ I Năm 2012**

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - thương mại
- 3. Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất kinh doanh bao bì
Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa
Kinh doanh vật tư, vận tải,...
Khai thác chế biến quặng kim loại quý hiếm (trừ những loại nhà nước cấm);
- 4. Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2012 Công ty có 210 nhân viên đang làm việc.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- 1. Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
- 3. Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Công ty tính giá thành theo phương pháp phân bước có tính bán thành phẩm vì vậy chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là chi phí sản xuất kinh doanh tập hợp theo từng công đoạn hoàn thành, trong đó chi phí sản xuất chung được phân bổ theo số lượng vô bao sản xuất.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30
Máy móc và thiết bị	5 - 6
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

7. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

8. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

Quyền khai thác mỏ đá

Quyền khai thác mỏ đá là toàn bộ khoản tiền Công ty đã chi ra để có được quyền khai thác mỏ đá. Quyền khai thác mỏ đá được phân bổ theo thời gian khai thác của mỏ đá.

9. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

10. Trích lập quỹ dự phòng trợ mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

11. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

13. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

15. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/03/2011 : 20.703 VND/USD
31/3/2012 : 20.828 VND/USD

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

17. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số 31/03/2012</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	667.383.049	5.481.653
Tiền gửi ngân hàng	4.173.143.096	1.154.320.098
Tiền đang chuyển		
Các khoản tương đương tiền	12.367.000.000	10.867.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	12.367.000.000	10.867.000.000
Cộng	<u>17.207.526.145</u>	<u>12.026.801.751</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số 31/03/2012</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Đầu tư Cổ phiếu ngắn hạn		15.928.240.600		15.928.240.600
Công ty CP Cung ứng nhân lực quốc tế và Thương mại Sông Đà	12	-	12	-
Công ty CP Cảng Đoạn Xá	-	-	-	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà	-	-	-	-
Công ty CP Đầu tư Tổng hợp Hà Nội	60	755.100	60	755.100
Công ty CP Chứng khoán SHB	4.000	40.000.000	4.000	40.000.000
Công ty CP Đầu tư và XD Sao mai tỉnh An Giang	19.930	400.460.347	20.000	401.866.882
Công ty CP Sông Đà 9	19.800	536.020.000	19.800	536.020.000
Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Việt Nam	15.000	274.800.000	15.000	274.800.000
Công ty CP Thép Việt Ý	62.000	1.589.669.773	62.790	1.826.815.220
Công ty CP Nhựa và Môi trường An Phát	34.000	695.059.574	114.700	2.154.466.953
Tổng công ty xuất khẩu VN	28.000-	384.400.000-	-	-
Công ty CP Licogi 16	285.000	4.876.500.000	285.000	4.876.500.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đô thị Long giang	20.000	412.620.499	20.000	412.620.499
Công ty CP Phân phối khí áp Dầu khí	-	-	-	-
Công ty CP Sông Đà 7	-	-	-	-
Công ty CP Phát triển Nhà Thủ Đức	55.000	1.856.134.279	65.620	2.223.190.000
Công ty CP Khai Khoáng và Cơ khí Hữu Nghị Vĩnh Sinh	91.300	1.086.394.244	91.300	1.138.385.946
Công ty CP Địa ốc Sài gòn Thương tín	20.000	432.500.000	20.000	432.500.000
Công ty CP Phát triển Đô thị Từ Liêm	40.000	1.135.627.646	56.720	1.610.320.000
Đầu tư ngắn hạn khác		-		-
Trái phiếu chuyển đổi SHB		-		-
Cộng		<u>13.288.441.463</u>		<u>15.928.240.600</u>

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- + Cổ phiếu Công ty CP Đầu tư và XD Sao Mai tỉnh An Giang:
- Bán 70 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 1.680.000 VND.
- + Cổ phiếu Công ty CP Thép Việt Ý:
- Mua thêm 12.000 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 157.200.000 VND.
- Bán 12.790 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 196.966.000 VND.
- + Cổ phiếu Công ty CP Nhựa và Môi trường An Phát:
- Mua thêm 24.000 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 500.400.000 VND.
- Bán 104.700 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 2.117.670.000 VND.
- + Cổ phiếu Công ty CP Phát triển Nhà Thủ Đức:
- Bán 10.620 cổ phiếu với giá tương ứng số tiền là 178.416.000 VND.
- + Cổ phiếu Công ty CP Khai Khoáng và Cơ khí Hữu nghị Vĩnh Sinh:
- Mua thêm 10.000 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 67.000.000 VND.
- Bán 10.000 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 88.000.000 VND.
- + Cổ phiếu Công ty CP Địa ốc Sài Gòn Thường Tín:
- Mua thêm 20.000 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 432.500.000 VND.
- + Cổ phiếu Công ty CP Phát triển Đô thị Từ Liêm:
- bán 20.000 cổ phiếu với số tiền là 181.500.000 VND.
- + Cổ phiếu Tổng công ty XNK việt nam :
- Mua thêm 28.000 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 384.400.000 VND

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Là khoản dự phòng đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>
Số đầu năm	(8.693.144.718)
Số hoàn nhập trong kỳ	2.834.630.177
Số đến 31/03/2012	<u>(5.858.514.541)</u>

4. Phải thu khách hàng

	<u>Số 31/03/2012</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Dương Hồng	1.971.847.500	4.873.847.500
Công ty Xi măng Hoàng Thạch	308.246.400	308.246.400
Xí nghiệp Bao bì Vĩnh Tuy		-
Công ty Xi măng Chínfon	4.378.250.000	3.969.790.000
Công ty Cổ Phần Xi măng Hạ Long	2.947.514.590	1.319.253.830
Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình	12.910.296.400	12.910.296.400
Công ty TNHH MTV Xi măng Hạ Long	12.205.001.910	7.167.898.960
Công ty Cổ phần XM Đồng Bành	7.405.171.000	8.004.876.480
Công ty Cổ phần XNK Thành Nam		1.675.000.000
Công ty Than Núi Hồng – Mỏ Việt Bắc		1.099.304.340
Công ty CP Xi măng và Khoáng sản Yên Bái	2.530.460.000	2.070.460.000
CTCP Phát triển Đô Thị Dầu Khí - PVC Mê Kông		758.034.420
Công ty TNHH SXKD TM an Phú	977.039.000	
Công ty CPTM hưng Phước	1.123.600.000	
Công ty giấy phương đông	694.604.086	
Công ty TNHH Thuận Lợi	368.500.000	
Công ty cổ phần vi Va C0	594.793.363	

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số 31/03/2012</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đối tượng khác	1.841.147.410	2.895.337.562
Cộng	50.256.471.659	47.052.345.892
5. Trả trước cho người bán		
	<u>Số 31/03/2012</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tại Hà Nội		35.750.000
Công ty Cổ phần Bao Bì Hoàng Hải	101.566.080	101.566.080
Công ty TNHH TMDV Nhựa Gia Phú		231.000.000
Công ty TNHH Đức Dung	183.735.000	
Công Ty TNHH Đông á	301.984.200	
Công ty cổ phần công nghệ OSB	70.950.000	
Đối tượng khác	43.722.180	43.622.180
Cộng	701.957.460	411.938.260
6. Các khoản phải thu khác		
	<u>Số 31/03/2012</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu BHXH, BHYT, BHTN	36.057.171	36.751.110
Khoản cho Công ty TNHH Sản xuất Thương mại VTKS Xuân Minh vay	102.000.000	102.000.000
Tiền góp vốn Công ty TNHH Sơn Tùng	14.012.761.842	14.012.761.842
Tiền chuyển nhượng vốn của STP cho Ông Phạm Anh Tuấn	375.000.000	375.000.000
Lãi dự thu		16.322.833
Phải thu tiền cho Ông Chu Đức Trí vay	38.000.000	800.000.000
Các đối tượng khác	12.163.652	8.370.988
Cộng	14.575.982.665	15.351.206.773
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		
Là dự phòng cho khoản công nợ quá hạn thanh toán từ 1 đến dưới 2 năm		
Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:		
		<u>Năm nay</u>
Số đầu năm		(13.877.497)
Trích lập dự phòng bổ sung		
Số 31/03/2012		(13.877.497)
8. Hàng tồn kho		
	<u>Số 31/03/2012</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	9.696.368.943	8.227.728.919
Công cụ, dụng cụ	114.012.944	114.012.944
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	8.500.806.594	8.026.927.284
Thành phẩm	3.351.450.480	1.575.724.595
Hàng gửi đi bán		1.579.592.315
Cộng	21.662.638.961	19.523.986.057

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số 31/03/2012</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	182.646.154	139.888.154
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	506.727.783	8.609.801.753
Cộng	<u>689.373.937</u>	<u>8.749.689.907</u>

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	8.468.791.171	22.752.653.231	1.291.552.684	467.081.414	32.980.078.500
Tăng trong năm	-				
Mua sắm mới	-			36.254.545	36.254.545
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-				
Giảm do thanh lý	-	(505.980.105)			(505.980.105)
Số cuối năm	<u>8.468.791.171</u>	<u>22.246.673.216</u>	<u>1.291.552.684</u>	<u>503.335.869</u>	<u>32.510.352.940</u>
<i>Trong đó:</i>	-				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	11.760.345.230	-	-	105.649.346	11.865.994.576
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	4.852.028.035	16.750.066.418	810.417.059	258.477.634	22.670.989.146
Tăng trong năm do khấu hao	167.290.227	618.392.262	64.577.634	26.072.691	876.332.814
Giảm do thanh lý		(505.980.105)			(505.980.105)
Số cuối năm	<u>5.019.318.262</u>	<u>16.862.478.575</u>	<u>874.994.693</u>	<u>284.550.325</u>	<u>23.041.341.855</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	<u>3.619.356.179</u>	<u>5.999.910.530</u>	<u>481.135.626</u>	<u>208.687.019</u>	<u>10.309.089.354</u>
Số cuối năm	<u>3.449.472.909</u>	<u>5.384.194.641</u>	<u>416.557.991</u>	<u>218.785.544</u>	<u>9.469.011.085</u>

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Số 31/03/2012</u>
Mua sắm TSCĐ	-	-	-	-
XDCB dở dang	48.034.727			48.034.727

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Số 31/03/2012</u>
- Khu nhà văn phòng làm việc tại Xã Mỹ Đình	48.034.727			48.034.727
Nhà làm việc 2 tầng	-			-
Cộng	48.034.727			48.034.727

12. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	<u>Số 31/03/2012</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Địa chất ⁽²⁾		21.600.000.000		21.600.000.000
Cộng		21.600.000.000		21.600.000.000

Là khoản hợp tác đầu tư theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 68/HĐKT/CT ngày 09/8/2010 ký giữa Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Địa chất (Bên A) với Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà về việc đầu tư một dự án mới trên phần diện tích đất 15.000 m2 nằm trong tổng thể 21.290 m2 đất thuộc nhà máy xử lý nước thải do bên A làm chủ đầu tư, tại khu công nghiệp Thạch Thất - Quốc Oai - Hà Nội. Bên Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà chiếm 80% tỷ lệ vốn góp. Giá trị vốn góp từng đợt phù hợp với nhu cầu thực tế trong từng giai đoạn và nhu cầu thực tế triển khai dự án đầu tư. Hai bên thống nhất sẽ thành lập pháp nhân mới (là Công ty Cổ phần) để quản lý toàn bộ dự án trên vào một thời điểm thích hợp do bên B quyết định sau khi bàn bạc với bên A.

13. Đầu tư dài hạn khác

	<u>Số 31/03/2012</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Đầu tư cổ phiếu				
- Công ty Cổ phần Xi măng Đá vôi Phú Thọ	100.000	1.050.000.000	100.000	1.050.000.000
- Công ty Cổ phần Vinaconex 45	125.000	2.775.000.000	125.000	2.775.000.000
- Công ty Cổ phần Hicorp	200.000	2.000.000.000	200.000	2.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác				
DNTN dịch vụ trồng rừng 327		1.907.402.003		1.907.402.003
Công ty Cổ phần Lộc Ninh		4.311.459.000		4.311.459.000
Công ty Cổ phần Đầu tư tổng hợp STP		150.000.000		150.000.000
Cộng		12.193.861.003		12.193.861.003

14. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Phân bổ vào chi phí trong năm</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối năm</u>
CCDC chờ phân bổ	227.263.850	24.052.545	44.379.284		206.937.111

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Phân bổ vào chi phí trong năm</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối năm</u>
Chi phí sửa chữa nhà cửa	-				
Chi phí thuê đất	87.625.536		1.095.321		86.530.215
Quyền khai thác mỏ đá	7.078.850.000		126.693.750		6.952.156.250
Chi phí thiết kế website	8.888.900		1.666.665		7.222.235
Chi phí dịch vụ thành viên Website	24.187.500		14.512.500		9.675.000
Cộng	<u>7.426.815.786</u>	<u>24.052.545</u>	<u>188.365.520</u>		<u>7.262.520.811</u>

15. Phải trả người bán

	<u>Số 31/03/2012</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền bảo hành máy	478.414.994	-
Công ty CP Giấy Hoàng Văn Thụ	717.236.505	230.835.660
HTX Cổ phần Việt Nhật	276.583.355	476.583.355
Công ty TNHH Thành Dũng		778.100
Công ty TNHH SX giấy và BB Phương Đông		1.538.405.885
Công ty Cổ phần Đại Hữu		420.000.000
Công ty giấy việt trì	1.017.958.588	508.775.652
Công ty cổ phần hoá chất HP Hải phòng	437.100.000	-
Công ty TNHH Giấy Mỹ Hương	73.263.350	73.263.350
Công ty CP DVTM&VTtransco	123.143.160	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung		2.939.854.040
Công ty TNHH lọc dung	215.160.000	
Công ty CP DVTM VINAINVESTCO	109.560.000	
Công ty TNHH công nghệ tự động kim cơ	101.767.971	
Đối tượng khác	595.417.197	3.208.961.219
Cộng	<u>4.145.605.120</u>	<u>9.397.457.261</u>

16. Người mua trả tiền trước

	<u>Số 31/03/2012</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Vật liệu		49.725.000
Công ty cổ phần thái dương	133.590.000	
Công ty TNHH Thành Nam phương	28.160.000	
Công ty CP SX tôn màu POSHACO	32.091.500	
Xuất khẩu	109.451.140	
Cộng	<u>303.292.640</u>	<u>49.725.000</u>

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	541.025.948	41.889.847	582.915.795	
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	704.819.520	1.687.503.305	1.555.682.893	836.639.932
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.613.522.929	1.254.668.853		3.868.191.782
Thuế thu nhập cá nhân	135.084.001	45.048.877	45.048.877	135.084.001
Tiền thuế đất	-			
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	
Cộng	3.994.452.398	3.032.110.882	2.186.647.565	4.839.915.715

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Công ty được giảm 50% thuế TNDN trong năm 2 năm 2009 và 2010.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được tính như sau:

	<u>Quý I năm 2012</u>	<u>Quý I năm 2011</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.694.453.144	6.763.131.966
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	24.222.268	
- Các khoản điều chỉnh tăng		
+) Thù lao thành viên HĐQT không trực tiếp tham gia điều hành sản xuất	24.000.000	
+) Tiền phạt do nộp chậm thuế	222.268	
+) Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
- Các khoản điều chỉnh giảm	700.000.000	790.000.000
+) Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện 2008		
+) Cổ tức nhận được từ các khoản đầu tư	700.000.000	500.000.000
+) Lãi đầu tư tài chính		
+) Cổ tức được chia từ các công ty niêm yết		290.000.000
Thu nhập chịu thuế	5.018.675.412	5.973.131.966
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	1.254.668.853	1.493.282.992
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm theo Nghị quyết số 30/2008 của chính phủ (30% thuế thu nhập phải nộp)		
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.254.668.853	546.136.889

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Chi phí phải trả

Là khoản phải trả chi phí vận chuyển tháng 3/2013

19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số 31/03/2012</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm thất nghiệp	8.991.488	7.097.217
Kinh phí công đoàn	86.539.760	103.284.459
Tiền đền bù giải phóng mặt bằng	88.183.527	88.183.527
Tiền BHXH ,BHYT	20.317.702	-
Cổ tức 2010 phải trả các cổ đông	7.962.000	7.962.000
Kinh phí hoạt động công tác Đảng	31.476.677	31.846.677
Phải trả khác		5.063.254
Cộng	<u>243.471.154</u>	<u>243.437.134</u>

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số 31/03/2012</u>
Quỹ khen thưởng	891.040.751		237.372.197	653.668.554
Quỹ phúc lợi	85.648.975		45.621.200	40.027.775
Cộng	<u>976.689.726</u>		<u>282.993.397</u>	<u>693.696.329</u>

21. dài hạn khác

Là khoản ký quỹ ký cược dài hạn

22. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

	<u>Số 31/03/2012</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	69.600.862-	-
Số đã trích lập trong năm	37.607.472	160.961.474
Số đã chi trong năm	(5.673.000)	(91.360.612)
Số cuối năm	<u>101.535.334</u>	<u>69.600.862</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

23. **Vốn chủ sở hữu**

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Thặng dư vốn cổ phần</u>	<u>Cổ phiếu quỹ</u>	<u>Chênh lệch tỷ giá hối đoái</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Quỹ dự phòng tài chính</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm	<u>70.000.000.000</u>	<u>54.102.373.080</u>	<u>(6.892.740.100)</u>		<u>22.001.562.938</u>	<u>3.062.920.532</u>	<u>15.204.599.740</u>	<u>157.478.716.190</u>
Lợi nhuận quý I	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>4.439.784.291</u>	<u>4.439.784.291</u>
Số dư cuối năm nay	<u>70.000.000.000</u>	<u>54.102.373.080</u>	<u>(6.892.740.100)</u>	<u>-</u>	<u>22.001.562.938</u>	<u>3.062.920.532</u>	<u>19.644.384.031</u>	<u>161.919.500.481</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số 31/03/2012</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn góp của các cổ đông, thành viên,...	70.000.000.000	70.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	54.102.373.080	54.102.373.080
Cổ phiếu quỹ	(6.892.740.100)	(6.892.740.100)
Cộng	<u>117.209.632.980</u>	<u>117.209.632.980</u>

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

	<u>Số 31/03/2012</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ tức năm trước		6.640.800.000
Tạm ứng cổ tức năm nay		-
Cộng		<u>6.640.800.000</u>

Cổ phiếu

	<u>Số 31/03/2012</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.000.000	7.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.000.000	7.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.000.000	7.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	359.200	359.200
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	359.200	359.200
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.640.800	6.640.800
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.640.800	6.640.800

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Mục đích trích lập các quỹ

- Quỹ đầu tư phát triển được dùng để mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu.
- Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Quý I năm 2012</u>	<u>Quý I năm 2011</u>
Tổng doanh thu	34.077.173.399	57.411.409.407
- <i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	7.962.610.228	34.972.430.260
- <i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	26.114.563.171	22.438.979.147
Các khoản giảm trừ doanh thu:		
- <i>Giảm giá hàng bán</i>	93.961.818	26.600.000
Doanh thu thuần	<u>33.983.211.581</u>	<u>57.384.809.407</u>
<i>Trong đó:</i>		
- <i>Doanh thu thuần bán hàng hóa</i>	7.962.610.228	34.972.430.260
- <i>Doanh thu thuần bán thành phẩm</i>	26.073.983.171	22.412.379.147

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Quý I năm 2012</u>	<u>Quý I năm 2011</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	7.722.850.459	32.111.355.116
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	22.037.130.263	17.041.031.306
Cộng	<u>29.759.980.722</u>	<u>49.152.386.422</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý I năm 2012</u>	<u>Quý I năm 2011</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn		32.624.272
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	299.306.320	608.678.237
Cổ tức, lợi nhuận được chia		290.000.000
Lãi về kinh doanh chứng khoán	161.752.049	489.931.767
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		427.500
Lãi khoản đầu tư tài chính	700.000.000	500.000.000
Cộng	<u>1.161.058.369</u>	<u>1.921.661.776</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Quý I năm 2012</u>	<u>Quý I năm 2011</u>
Chi phí lãi vay	30.181.627	66.320.702
Lỗ kinh doanh chứng khoán	843.023.224	529.395.325
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	383.300	603.925.150
Phí giao dịch mua bán chứng khoán	8.387.370	21.111.895
Hoàn nhập dự phòng	(2.834.630.177)	
Cộng	<u>(1.952.654.656)</u>	<u>1.220.753.072</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Quý I năm 2012</u>	<u>Quý I năm 2011</u>
Chi phí nhân viên	30.600.000	136.021.320
Chi phí vận chuyển, tiếp thị	281.720.406	276.730.000
Cộng	<u>312.320.406</u>	<u>412.751.320</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý I năm 2012</u>	<u>Quý I năm 2011</u>
Chi phí nhân viên quản lý	714.672.328	1.230.412.017
Chi phí vật liệu quản lý	62.187.042	71.288.957
Chi phí đồ dùng văn phòng	34.614.096	46.446.393
Chi phí khấu hao TSCĐ	110.808.666	80.529.435
Thuế, phí và lệ phí	413.793.052	221.284.100
Chi phí dịch vụ mua ngoài	66.401.204	122.043.185
Chi phí bằng tiền khác	104.551.678	131.934.111
Cộng	<u>1.507.028.066</u>	<u>1.903.938.198</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Thu nhập khác

	<u>Quý I năm 2012</u>	<u>Quý I năm 2011</u>
Thu tiền bán tài sản	200.000.000	
Tiền phạt vi phạm quy chế công ty		1.830.425
Thu bán phế liệu		162.660.182
Thu nhập khác	1.080.000	
Cộng	<u>201.080.000</u>	<u>164.490.607</u>

8. Chi phí khác

	<u>Quý I năm 2012</u>	<u>Quý I năm 2011</u>
Thù lao thành viên HĐQT không trực tiếp tham gia điều hành sản xuất	24.000.000	18.000.000
Phạt chậm nộp BH	222.268	
Chi phí khác		812
Cộng	<u>24.222.268</u>	<u>18.000.812</u>

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Quý I năm 2012</u>	<u>Quý I năm 2011</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.439.784.291	5.269.848.974
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	6.640.800	6.930.500
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>668,5</u>	<u>752,8</u>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Quý I năm 2012</u>	<u>Quý I năm 2011</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	6.640.800	6.930.500
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	<u>6.640.800</u>	<u>6.930.500</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các khoản cam kết

Theo các điều khoản trong Hợp đồng hợp tác đầu tư số 68/HĐKT/CT ngày 09/08/2010 ký với Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Địa chất để đầu tư một dự án mới trên phần diện tích đất 15.000 m² nằm trong tổng thể 21.290 m² đất thuộc nhà máy xử lý nước thải do bên Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Địa chất làm chủ đầu tư, tại khu công nghiệp Thạch Thất - Quốc Oai - Hà Nội, Công ty cam kết sẽ góp 80% trong tổng vốn đầu tư của dự án là 45 tỷ đồng. Việc góp vốn này được thực hiện theo tiến độ thi công của dự án. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty đã góp được 21.600.000.000 VND.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất: Chủ yếu là sản xuất bao bì xi măng các loại.
- Lĩnh vực kinh doanh: Chủ yếu là kinh doanh hạt nhựa các loại.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực kinh doanh	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	26.114.563.171	7.962.610.228	93.961.818	34.077.173.399
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.114.563.171	7.962.610.228	93.961.818	34.077.173.399
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	2.802.846.251	2.891.606.893		5.694.453.144
Doanh thu hoạt động tài chính	299.306.320	861.751.049		1.161.058.369
Chi phí tài chính	30.564.927	(1.982.219.58)		(1.952.654.656)
Thu nhập khác	201.080.000			201.080.000
Chi phí khác	24.222.268			24.222.268
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				1.254.668.853
)Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
Lợi nhuận sau thuế TNDN				4.439.784.853
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ và các tài sản dài hạn khác				
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.064.698.334			1.064.698.334

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực kinh doanh	Cộng
Số cuối quý			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	115.566.970.713	54.637.958.654	170.204.929.367
Tài sản phân bổ cho bộ phận		7.262.502.811	7.262.502.811
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			
Tổng tài sản			177.467.432.178

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Lĩnh vực sản xuất</u>	<u>Lĩnh vực kinh doanh</u>	<u>Cộng</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	15.548.931.697		15.548.931.697
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			
Tổng nợ phải trả			15.548.931.697

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở khu vực Hà Nội, khu vực Hải Phòng, khu vực Yên Bái, Hải Dương và Quảng Ninh. Thanh Hoá

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	<u>Năm nay</u>
Khu vực Hà Nội	7.100.438.589
Khu vực Hải Phòng	14.786.877.400
Khu vực Yên Bái	960.000.000
Khu vực Hải Dương	
Khu vực Quảng Ninh	1.628.260.760
Khu vực khác	12.616.885.377
Cộng	37.092.462.126

Các chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định, các tài sản dài hạn khác và tài sản bộ phận chỉ có tại khu vực Hà Nội

3. Thay đổi chính sách kế toán

Năm 2010, trong phạm vi có liên quan, Công ty áp dụng các qui định tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ngoài ra, ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Các yêu cầu của Thông tư này sẽ được áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Lập, ngày 10 tháng 04 năm 2012

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Thị Bé

Trần Đức Uyên

CÔNG TY CP CNTM SÔNG ĐÀ

----- ๘๗๘ -----
Số CT/TCKT

(V/v: Giải trình chênh lệch
số liệu báo cáo Công ty mẹ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập □ Tự do □ Hạnh phúc

----- ๘๗๘ -----

Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2012

**GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH SỐ LIỆU
GIỮA BCTC QUÍ I NĂM 2012 VÀ BCTC QUÍ I NĂM 2011**

**KÍNH GỬI: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Công ty cổ phần công nghiệp thương mại Sông Đà xin giải trình về chênh lệch số liệu BCTC quý I năm 2012 so với BCTC quý I năm 2011, cụ thể như sau:

I. Giải trình về chênh lệch doanh thu và lợi nhuận quý I/ 2012 so với quý I năm 2011 :

TT	Nội dung	Quý I năm 2011	Quý I năm 2012	Chênh lệch	Tỷ lệ
1	Doanh thu	57.384.809.407	33.983.211.581	(23.401.597.826)	(40,7%)
2	Lợi nhuận trước thuế	6.763.131.966	5.694.453.144	(1.068.678.822)	(15,8%)

Nguyên nhân:

Quý I năm 2012 tình hình động kinh doanh gặp nhiều khó khăn do chịu tác động của hàng loạt các yếu tố bất ổn về kinh tế, tình hình lạm phát tăng cao, nhu cầu về bao bì xi măng giảm bất thường so với cùng thời kỳ này năm trước (trong khi đó hoạt động sản xuất vỏ bao chiếm tỷ trọng lớn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty). Yếu tố này đã làm doanh thu của công ty giảm mạnh và do đó ảnh hưởng tới hiệu quả hoạt động (lợi nhuận của công ty giảm)

Trên đây là việc giải trình các khoản chênh lệch doanh thu, lợi nhuận của quý I năm 2012 so với quý I năm 2011 của Công ty CP công nghiệp thương mại Sông Đà.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu P.TCKT

TỔNG GIÁM ĐỐC